

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁ THƯỚC
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2023/DS-ST

Ngày: 29-11-2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Văn Bình

Ông Trương Văn Dũng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Khánh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2023/TLST-DS, ngày 25 tháng 10 năm 2023 về: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Xuân Th, sinh năm: 1973

Trú tại: Thôn Trung Dương, xã Lương Trung, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

- Bị đơn: 1. Bà Dương Thị B, sinh năm 1975. Có mặt.

2. Anh Nguyễn Viết Nh, sinh năm 1994. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Đều trú tại: Thôn Trung Dương, xã Lương Trung, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Xuân Th trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 26/4/2017, ông có cho bà Bích và anh Nhung vay số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) để giải quyết việc gia đình. Bà B và anh Nh cam kết đến ngày 30/6/2018 sẽ trả số tiền trên. Quá hạn trên ông đã nhiều lần đòi nhưng bà B và anh Nhung không trả. Đến ngày 30/01/2022, bà Bích và anh Nhung ký giấy nhận nợ và xin cam kết sẽ trả cho ông số tiền trên vào ngày 30/12/2022. Nhưng quá hạn trên thì bà B và anh Nh vẫn không thanh toán cho ông.

Đến ngày 20/01/2023 thì bà B và anh Nh đã trả được cho ông 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) gồm 47.000.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu đồng) theo hình thức chuyển khoản và 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) nhận trực tiếp. Khi nhận tiền thì hai bên không làm giấy tờ.

Bà B là người trực tiếp nhận tiền và có trách nhiệm trả cho ông, anh Nhung không phải là người vay tiền. Nhưng do anh Nh cùng hộ khẩu với bà B nên ông yêu cầu anh Nh ký vào giấy nhận nợ ngày 30/01/2022 và phải có trách nhiệm thanh toán cho ông số tiền nợ còn thiếu.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Dương Thị B và anh Nguyễn Viết Nh có nghĩa vụ thanh toán cho ông số tiền nợ gốc còn thiếu là: 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) và số tiền lãi phát sinh trên khoản nợ 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) tính từ ngày 26/4/2017 đến ngày 31/01/2022 và số lãi phát sinh trên khoản nợ gốc 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) tính từ ngày 01/02/2022 cho đến nay. Tại phiên Tòa ông Th xin rút phần yêu cầu trả lãi. Ông yêu cầu bà Dương Thị B trả cho ông số tiền nợ gốc còn thiếu là: 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng)

Tại bản tự khai ngày 27/10/2023 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Dương Thị B trình bày: Vào năm 2017, bà có mua hàng hóa của ông Lê Xuân Th phục vụ cho việc trồng mía (mua bán phân bón, vật tư nông nghiệp) nhưng chưa trả tiền. Đến năm 2021, do làm ăn thua lỗ không còn khả năng thanh toán nợ nên bà và ông Thur thống nhất chốt lại số tiền còn thiếu là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng). Vào ngày 30/01/2022, bà có viết giấy nhận nợ cho ông Thur và hứa đến ngày 30/12/2022 sẽ thanh toán hết số tiền còn thiếu. Đến ngày 20/01/2023, bà có đến gặp ông Thur để thỏa thuận sẽ trả trước 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu) và hứa sẽ trả nốt 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) vào tháng 4/2023. Ông Th ban đầu đồng ý nhưng đến khi con trai bà là anh Nguyễn Viết Nh thanh toán số tiền 47.000.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu đồng) bằng hình thức chuyển khoản thì ông Th đã xé bỏ giấy nhận tiền và không đồng ý khấu trừ số tiền đã thanh toán vào số nợ gốc cho bà.

Bên cạnh đó, khoảng năm 2021, vợ của ông Th là bà Dung (không rõ họ tên) có vào nhà em gái bà là bà Dương Thị Lộc, địa chỉ: Thôn Trung Dương, xã Lương Trung, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa để lấy số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cho ông Th đi bệnh viện. Khi giao nhận tiền hai bên không có giấy tờ gì. Nay bà yêu cầu ông Thur khấu trừ số tiền trên vào khoản nợ gốc còn thiếu.

Ngoài ra thì trong khoảng thời gian từ năm 2017 đến năm 2021 bà vẫn đóng lãi cho ông Th mỗi năm 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng), không làm giấy tờ. Đối với số tiền lãi đã đóng cho ông Th thì bà không có yêu cầu gì thêm.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Thur thì bà thống nhất là hiện nay bà còn nợ lại ông Thur số tiền gốc 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), không có lãi. Bà đồng ý trả dần cho ông Thur mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), hoặc trả theo quý, ba tháng một lần số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng)/quý. Việc thiếu nợ là của bà và ông Thur, không liên quan gì đến con trai bà là Nguyễn Viết Nh. Anh Nh chỉ ký tên vào giấy nhận nợ và không có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên.

Bị đơn anh Nguyễn Viết Nh trình bày: Đối với số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) giữa mẹ anh là bà Bích và ông Thư theo anh biết là tiền do bà Bích mua hàng hóa phục vụ cho việc trồng mía (mua bán phân bón, vật tư nông nghiệp) nhưng chưa trả tiền. Đến năm 2021, do làm ăn thua lỗ không còn khả năng thanh toán nợ nên mẹ anh và ông Th thống nhất chốt lại số tiền còn thiếu là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng). Vào ngày 30/01/2022, anh có viết giấy nhận nợ cho ông Thư và hứa đến ngày 30/12/2022 sẽ thanh toán hết số tiền còn thiếu.

Đến ngày 20/01/2023, mẹ anh có đến gặp ông Th để thỏa thuận sẽ trả trước 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu) và hứa sẽ trả nốt 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) vào tháng 4/2023. Ông Thư ban đầu đồng ý nhưng đến khi anh thanh toán số tiền 47.000.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu đồng) bằng hình thức chuyển khoản thì ông Th đã xé bỏ giấy nhận tiền và không đồng ý khấu trừ số tiền đã thanh toán vào số nợ gốc cho anh.

Bên cạnh đó, khoảng năm 2021, vợ của ông Th là bà D (không rõ họ tên) có vào nhà dì của anh là bà Dương Thị Lộc, địa chỉ: Thôn Trung Dương, xã Lương Trung, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa để lấy số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cho ông Thư đi bệnh viện. Khi giao nhận tiền hai bên không có giấy tờ gì. Nay anh yêu cầu ông Th khấu trừ số tiền trên vào khoản nợ gốc còn thiếu.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Thư thì anh thống nhất là hiện nay anh và mẹ là bà B còn nợ lại ông Th số tiền gốc 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), không có lãi. Anh cũng đồng ý trả dần cho ông Th mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), hoặc trả theo quý, ba tháng một lần số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng)/quý. Anh không đồng ý trả lãi.

Tại biên bản hòa giải ngày 07/11/2023 và tại phiên tòa ông Th và bà B thống nhất hiện nay bà B còn nợ lại ông Thư số tiền gốc 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), không có lãi, đồng thời thống nhất được bà Bí là người có trách nhiệm trả nợ cho ông Thư, anh Nhung (con trai bà Bích không phải trả nợ). Các đương sự không thống nhất được về phương án trả nợ. Ông Th yêu cầu bà Bích trả số tiền trên một lần. Bà B đề nghị được trả dần cho ông Th mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), hoặc trả theo quý, ba tháng một lần số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng)/quý. Anh Nhung có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nhung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Do bà Dương Thị B và con trai là anh Nguyễn Viết Nh vay tiền của ông Thư. Bà B và anh Th ký giấy nhận nợ. Đến hạn bà B không trả nên ông Thư khởi kiện bà Bích và anh Nhung ra Tòa án yêu cầu bà B và anh Nhung phải trả số tiền vay 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng). Đây là quan hệ tranh

chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây gọi tắt là BLTTDS).

[2] Về nội dung: Bà B và anh Nhung nợ ông Th số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng). Hai bên làm giấy nhận nợ số tiền trên ngày 31/01/2022. Sau nhiều lần trả nợ hai bên chót với nhau và tại phiên hòa giải thống nhất bà Bích và anh Nhung còn nợ ông Th số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng). Tại phiên tòa ông Th và bà B thống nhất bà B có trách nhiệm trả cho ông Th số tiền trên, anh Nhung không phải trả nợ. Tuy nhiên, hai bên không thống nhất được phương thức trả nợ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông Th buộc bà B phải trả cho ông số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) là có căn cứ và được chấp nhận.

Đối với phần yêu cầu về lãi suất. Tại phiên tòa ông Th xin rút yêu cầu đối với khoản tiền lãi suất nên HĐXX đình chỉ đối với yêu cầu này.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của ông Th được chấp nhận nên bà B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền này bằng $70.000.000 \text{ đ} \times 5\% = 3.500.000 \text{ đ}$ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng). Trả lại cho ông Th số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 463, khoản 1 điều 466 Bộ luật dân sự; Khoản 3 điều 26, khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228, khoản 2 điều 244, khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm b khoản 1 điều 24, khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Xuân Th. Buộc bà Dương Thị B phải có trách nhiệm trả cho ông Lê Xuân Th số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

Từ khi ông Lê Xuân Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án khoản tiền vay, hàng tháng bà Dương Thị B còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Bà Dương Thị B phải chịu 3.500.000 đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Lê Xuân Th số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 3.000.000đ (Ba triệu đồng) ông đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2022/0002093 ngày 25/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bá Thước.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn ông Lê Xuân Th, bị đơn bà Dương Thị B, vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Viết Nh. Ông Lê Xuân Th và bà Dương Thị B có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Viết Nh có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bá Thước;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Hà Văn Bình

Trương Văn Dũng

Phạm Văn Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Quách Hà Vĩnh

Lưu Đình Tâm

Phạm Văn Hùng

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Phạm Văn Hùng**